

Bản án số: 113/2019/HNGĐ-ST  
Ngày: 10-9-2019  
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Vĩ Lê.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Nguyễn Thị Thiều.
2. Ông Nguyễn Văn Ninh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Ngọc Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Văn Sỹ – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án thụ lý số 362/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-HNGĐ ngày 23/8/2019, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1996.

Địa chỉ: số 56/2, ấp Trường An, xã Trường Tây, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

*2. Bị đơn:* Anh Lê Văn S, sinh năm 1993.

Nơi ĐKNKTT: ấp 3, xã Suối N, huyện TC, tỉnh TN;

Tạm trú: ấp G, xã HT, huyện GD, tỉnh TN.

*Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt.*

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 09/5/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Phương T trình bày:*

Chị và anh Lê Văn S kết hôn vào năm 2014, có tổ chức lễ cưới, hôn nhân tự nguyện có qua tìm hiểu trước, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Trường T, huyện HT, tỉnh TN. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống chung nhà cùng cha mẹ ruột của chị ngụ tại số 56/2, ấp Trường A, xã Trường T, huyện HT, tỉnh TN. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến khoảng cuối năm 2016 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do vợ chồng chưa có con chung, anh S không quan tâm chăm sóc chị thường hay rủ bạn bè về nhà ăn nhậu không chịu làm ăn, cha mẹ chị và chị có khuyên can anh S nhiều lần nhưng anh không nghe, trái lại anh còn chưởi mắng và đập phá đồ đạc trong gia đình rồi anh tự ý thu dọn đồ đạc bỏ về nhà cha mẹ ruột anh sinh sống tại ấp G, xã HT, huyện GD, tỉnh TN, từ năm 2016 vợ chồng ly thân cho đến nay tình cảm không còn, không ai muốn đoàn tụ. Nay chị yêu cầu được ly hôn cùng anh S.

Vàng cưới: Không còn do vợ chồng đã bán hết, chị không có yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về con chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

*Bị đơn anh Lê Văn S: Tòa án đã tiến hành triệu tập họp lệ để thu thập chứng cứ và hòa giải, nhưng anh S không đến và không có ý kiến bằng văn bản gửi cho Tòa án.*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, việc tuân theo pháp luật tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T đối với anh Lê Văn S theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Không có, không đặt ra đề giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra đề giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Tại phiên tòa nguyên đơn chị T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn anh S Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt. Nên vụ án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về nội dung:

[1] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Phương T và anh Lê Văn S được xác lập trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn, là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống chị T và anh S không hạnh phúc; chị T cho rằng vợ chồng mâu thuẫn từ năm 2016, lỗi thuộc về anh S không lo làm ăn, không quan tâm chăm sóc chị, anh S ham mê rượu chè chị khuyên can nhiều lần nhưng anh không nghe trái lại anh S còn chưởi mắng và đập phá tài sản trong gia đình, sau đó anh S tự ý bỏ nhà ra đi, về nhà cha mẹ ruột sinh sống từ đó vợ chồng đã ly

thân cho đến nay không gặp nhau để bàn chuyện đoàn tụ. Nay chị T yêu cầu xin được ly hôn cùng anh S.

Trong thời gian Tòa án giải quyết vụ án anh Lê Văn S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để thu thập chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng anh S vẫn vắng mặt. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh S không có hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu, nên không giải quyết.

Về án phí: chị T phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 238, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Phương T đối với anh Lê Văn S.

Chị Nguyễn Thị Phương T được ly hôn với anh Lê Văn S.

Về con chung: Không có, nên không đặt ra giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

2. Án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Ghi nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 0009181 ngày 16/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu được khấu trừ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hay tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện GD;
- THADS huyện GD;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

**Ngô Văn Lê**